

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/09/2025

V/v: Kiện Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan.
2. Ông Ngô Văn Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 09 năm 2025, tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 07 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 07 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 09 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh ngày 18/06/1985, (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn 3, xã Q, tỉnh L.

Nơi tạm trú: Số 26/26 đường số 15, khu phố N, phường D, thành phố Hồ Chí M.

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn Đ, sinh ngày 04/05/1984 (Vắng mặt).

Nơi thường trú: Thôn 2A, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi Nguyễn Thị C và ông Đỗ Văn Đ sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01 ngày 24 tháng 01 năm 2007.

Lúc mới kết hôn vợ chồng chung sống bình yên, hạnh phúc được khoảng 6 tháng thì sau đó do ông Đ tính tình thay đổi, không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, mỗi người có một quan điểm, suy nghĩ riêng nên từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn nhất của vợ chồng tôi là ông Đ nghe lời xúi dục của mẹ ruột, mỗi lần cãi nhau là ông Đ có hành vi bạo lực, chửi bới tôi thậm tệ, tuy sống chung dưới một mái nhà nhưng việc sinh hoạt, ăn, ngủ thì mỗi người một phòng riêng, không còn ngủ chung với nhau. Dù đã cho nhau nhiều cơ hội đề hàn gắn và gia đình hai bên cũng có hoà giải nhiều lần nhưng không được. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chúng tôi đã sống ly thân cuối năm 2007 cho đến nay. Tôi nhận thấy vợ chồng tôi sống chung với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng và không còn cơ hội quay về đoàn tụ nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đỗ Văn Đ.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Kim L, sinh ngày 11/03/2008. Sau khi vợ chồng tôi sống ly thân thì cháu Đỗ Thị Kim L đang do tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyên vọng của tôi về con chung sau khi ly hôn là tôi xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Kim L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay tôi đang làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng – 9.000.000 đồng và đang ở trọ nên có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Đỗ Văn Đ trình bày:** Tôi và bà Nguyễn Thị C xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01 ngày 24 tháng 01 năm 2007. Sau khi về chung sống, vợ chồng tôi sống với nhau hạnh phúc được 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong việc kinh tế gia đình, do vậy bà C đã bỏ nhà đi từ tháng 6 năm 2007 đến nay. Bản thân tôi cũng không điện thoại hỏi han bà C cũng như việc chăm sóc con chung tôi để cho bà C tự một mình nuôi con. Nay bà C làm đơn xin ly hôn thì tôi đồng ý đề nghị Tòa án cho vợ chồng được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Tôi và bà C có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Kim L, sinh ngày 11/03/2008. Sau khi vợ chồng tôi sống ly thân thì cháu Đỗ Thị Kim L đang do bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn bà C có nguyện vọng muốn được nuôi con thì tôi đồng ý.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà C không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con chung nên tôi không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Đỗ Văn Đ.

Về con chung: Giao con chung cháu Đỗ Thị Kim L, sinh ngày 11/03/2008 cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị C không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị C, ông Đỗ Văn Đ không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C khởi kiện xin ly hôn đối với ông Đỗ Văn Đ, thường trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn ly hôn đề ngày 11 tháng 06 năm 2025 của bà Nguyễn Thị C, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, bị đơn ông Đỗ Văn Đ tại phiên toà: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đỗ Văn Đ đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 07 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 09 năm 2025, tuy nhiên ông Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, bị đơn ông Đỗ Văn Đ là có căn cứ.

[2]. Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình thu thập chứng cứ, bà Nguyễn Thị C và ông Đỗ Văn Đ khai nhận: Vợ chồng ông bà đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) ngày 24 tháng 01 năm 2007, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi về chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được 6 tháng thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, mỗi người có một quan điểm, suy nghĩ riêng, mâu thuẫn về kinh tế nên từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau trong cuộc sống. Từ cuối năm 2007, vợ chồng ông bà đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau nữa.

Để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông Đ. Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương (Bút lục số 45) cho thấy: “Chính quyền địa phương không

nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn hôn nhân giữa vợ chồng ông Đ, bà C nhưng được biết vợ chồng ông bà sống chung với nhau không được hạnh phúc và đã không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2007 cho đến nay...”.”.

Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự và phần xác minh tại địa phương, nhận thấy từ năm 2007, bà C và ông Đ đã không sống chung với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ đó có đủ cơ sở chứng minh tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị C và ông Đỗ Văn Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Đỗ Văn Đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Đỗ Văn Đ có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Kim L, sinh ngày 11/03/2008. Hiện nay cháu L đang do bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, bà C có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông Đ có nguyện vọng giao con chung cho bà C chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cần căn cứ theo nguyện vọng và quyền lợi mọi mặt cuộc sống của con chung. Cháu Đỗ Thị Kim L đã đủ 7 tuổi và khi được trình bày nguyện vọng của bản thân muốn sống cùng ai khi ba mẹ ly hôn thì cháu L có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ, từ khi ba mẹ ly thân cho đến nay cháu đang sống cùng mẹ, cháu L là con gái nên việc giao cháu cho mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu hơn. Từ những phân tích nêu trên HĐXX cần áp dụng Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Đỗ Thị Kim L, sinh ngày 11/03/2008 cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ tuổi 18 là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị C không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị C, ông Đỗ Văn Đ không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]. Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Đỗ Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Kim L, sinh ngày 11/03/2008 cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ tuổi 18 tuổi.

Ông Đỗ Văn Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, ông Đỗ Văn Đ không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Bà Nguyễn Thị C không yêu cầu ông Đỗ Văn Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị C, ông Đỗ Văn Đ không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đ1 theo biên lai số 0003361 ngày 15/07/2025.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4- Đắk Lắk;
- THADS tỉnh ĐL;
- UBND xã E.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Quang Vinh